

NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI MỘT TRƯỜNG THUỘC KHU VỰC MIỀN NÚI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hương^{*1} và Trịnh Thị Khánh Hoà²

¹*Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

²*Khoa Xã hội, Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên*

Tóm tắt. Từ vựng đóng vai trò nền tảng thiết yếu đối với quá trình học ngoại ngữ của người học. Tuy nhiên, học từ vựng là một trở ngại không nhỏ đối với học sinh khi học ngoại ngữ. Để vượt qua trở ngại đó, các chiến lược học từ vựng đã được nghiên cứu để giúp người học học từ vựng một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về việc sử dụng các chiến lược học từ vựng của sinh viên là người dân tộc thiểu số tại một trường cao đẳng sư phạm miền núi ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: (1) sinh viên là người dân tộc thiểu số khi học từ vựng họ chủ yếu sử dụng chiến lược xã hội thuộc nhóm chiến lược khám phá từ vựng, ngược lại các chiến lược xã hội thuộc nhóm chiến lược củng cố từ vựng lại không nhận được sự quan tâm của sinh viên là người dân tộc thiểu số. (2) Có những điểm tương đồng và khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược học từ vựng giữa các nhóm sinh viên khi học từ vựng; chiến lược học từ vựng và khả năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên có mối liên hệ mật thiết với nhau. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị để hỗ trợ sinh viên là người dân tộc thiểu số sử dụng các chiến lược học từ vựng tốt hơn và hiệu quả hơn.

Từ khóa: chiến lược học từ vựng, sinh viên là người dân tộc thiểu số, chiến lược xã hội, điểm tương đồng, điểm khác biệt.

1. Mở đầu

Trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay, ngoại ngữ nói chung và đặc biệt là tiếng Anh nói riêng là nhu cầu hết sức cần thiết đối với mọi đối tượng là người học. Dạy và học tiếng Anh trở thành mối quan tâm không chỉ của học sinh, sinh viên, của các thầy cô giáo, các nhà trường, các cấp quản lý trong đó có bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng đến phổ cập tiếng Anh ở tất cả các cấp học đã và đang được triển khai có hiệu quả [1]. Để người học có thể thành thạo tiếng Anh thì từ vựng đóng một vai trò không thể thiếu trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Decarrico (2001) cho rằng kiến thức từ vựng đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ thứ hai hoặc học ngoại ngữ và nếu người học thiếu kiến thức từ vựng, họ sẽ sớm phát hiện ra rằng khả năng hiểu hoặc khả năng diễn đạt rõ ràng của bản thân bị hạn chế [2; 285]. Chính vì vậy, người học cần phải tìm ra các giải pháp thực tế, hữu ích để hỗ trợ quá trình học từ vựng của mình hiệu quả hơn và lâu dài hơn. Do đó, các chiến lược học từ vựng được đề xuất như một công cụ hữu ích hỗ trợ người học nâng cao chất lượng học từ vựng.

Ngày nhận bài: 21/3/2021. Ngày sửa bài: 29/3/2021. Ngày nhận đăng: 15/4/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mai Hương. Địa chỉ e-mail: huongnm@hnue.edu.vn

Không thể phủ nhận rằng các chiến lược học từ vựng không chỉ giúp người học nâng cao quá trình học tập của họ mà còn trang bị cho họ các kỹ năng thiết thực phát triển việc học tập suốt đời. Tuy nhiên, đa phần người học ngôn ngữ thứ hai, đặc biệt là học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, không nắm vững các chiến lược học từ vựng trong quá trình học ngoại ngữ nên họ vẫn đang loay hoay tìm phương pháp học từ vựng hiệu quả cho bản thân. Thiếu kiến thức từ vựng và không được trang bị kỹ các chiến lược học từ vựng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc học ngoại ngữ của người học không được cải thiện nhiều và kết quả học tập không cao.

Mục đích của bài báo này không khẳng định chiến lược học từ vựng tiếng Anh nào là chiến lược tốt nhất và hiệu quả nhất trong số các chiến lược đã đề ra; mà là góp phần làm rõ thực trạng sử dụng các chiến lược học từ vựng tiếng Anh của các nhóm sinh viên là người dân tộc thiểu số trong quá trình học ngoại ngữ của họ tại một cơ sở đào tạo thuộc vùng miền núi của Việt Nam. Kết quả của nhóm nghiên cứu có ý nghĩa hỗ trợ tốt hơn cho giáo viên và sinh viên trong việc dạy và học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục miền núi. Kết quả của nhóm nghiên cứu có kế thừa kết quả của các tác giả nghiên cứu trước đây về việc sử dụng các chiến lược học từ vựng; mô tả ngắn gọn về phương pháp nghiên cứu được sử dụng để nghiên cứu nội dung này và cuối cùng, thảo luận về những phát hiện; đề xuất một số biện pháp cải thiện việc dạy và học từ vựng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của từ vựng trong việc học Tiếng Anh

Từ vựng là điều tối quan trọng mà người học ngôn ngữ thứ hai cần phải sở hữu và được coi là nền tảng cho việc dạy và học ngôn ngữ. Nhiều nhà nghiên cứu đã dành sự quan tâm của họ vào nghiên cứu lĩnh vực từ vựng vì tầm quan trọng của nó trong việc học ngôn ngữ. Các nhà nghiên cứu quốc tế cho rằng từ vựng là kỹ năng cần thiết cho việc dạy và học ngoại ngữ. Chen & Chun (2008) [3] và Shoebottom (2007) [4] xác nhận rằng học sinh có thể truyền đạt nhiều nội dung hơn bằng cách nghe, nói, đọc và viết khi vốn từ vựng của họ phát triển. Do đó, vốn từ vựng được coi là cơ sở để hình thành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Wilkins (1972, trang 111-112) [5] cũng đồng ý với quan điểm này, ông cho rằng không có ngữ pháp, rất ít có thể được truyền đạt, nhưng không có từ vựng, không có gì có thể được truyền đạt. Thêm vào đó, Nation (2001) [6] và Alqahtani (2015) [7] đồng ý rằng từ vựng là rào cản lớn mà người học phải vượt qua và việc thiếu kiến thức từ vựng sẽ là một bất lợi đáng kể cho người học. Bởi vì từ vựng bao gồm sự đa dạng về nghĩa và có rất nhiều cách sử dụng khác nhau, nên nó trở nên khó khăn hơn và khó quản lý hơn đối với người học.

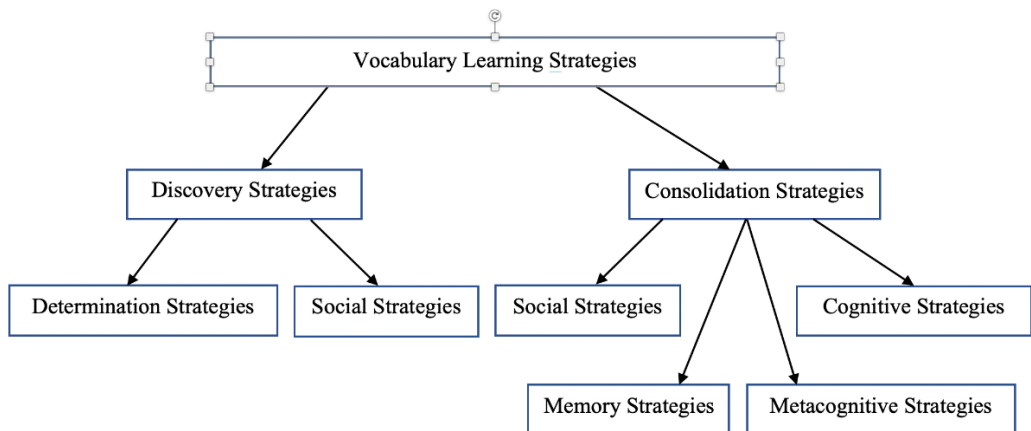
Mặc dù từ vựng là một yếu tố quan trọng nhưng nó lại có xu hướng ít được chú trọng hơn trong chương trình giảng dạy đại học và cao đẳng của các nước Châu Á. Fan (2003) [8] nói rằng các khóa học ngôn ngữ thường tập trung vào bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) hơn là từ vựng. Nói cách khác, từ vựng chỉ được dạy trong thời gian ngắn trong các bài học kỹ năng. Hơn nữa, người học rất thụ động khi học từ vựng. Ví dụ như họ chỉ học nghĩa chính xác của từ, chỉ học từ vựng trong sách giáo khoa, không quan tâm đến việc mở rộng vốn từ của mình, cũng như việc sử dụng từ vựng sao cho đúng văn cảnh. Điều này dẫn đến việc sử dụng từ vựng bị hạn chế và kém linh hoạt hơn (Nguyễn Thị Thanh Huyền và Khuất Thị Thu Nga, 2003) [9]. Kết quả là, người học gặp khó khăn trong việc thể hiện ý tưởng hay suy nghĩ của bản thân dưới dạng văn bản nói và viết. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả và trình độ thông thạo ngôn ngữ của người học. Theo Vũ Văn Duy và Nguyễn Cẩm Nhung (2019) [10], phần lớn học sinh lớp 12 (trong lớp học Tiếng Anh là ngôn ngữ nước ngoài) chưa đáp ứng được tiêu chí về kiến thức từ vựng. Lê Thị Tuyết Hạnh (2018) [11] đã chỉ ra rằng những người tham gia tổ chức không tốt trong việc sử dụng các chiến lược từ vựng để xây dựng vốn từ vựng.

Kết quả các nghiên cứu trên cho thấy, học từ vựng là nền tảng cơ bản trong học ngoại ngữ. Nó không chỉ giúp người học hiểu biết bản chất từ vựng của từ mà còn giúp người học mở rộng vốn từ,

hỗ trợ năng lực giao tiếp v.v. không chú trọng học từ vựng thì khó có thể học tốt ngoại ngữ.

2.2. Chiến lược học tập từ vựng

Đào tạo người học (learner training) hay dạy cho người học cách học là một bộ phận quan trọng trong phương pháp giảng dạy. Nó bao gồm nhiều nội dung bao gồm đào tạo để người học có các chiến lược học tập phù hợp để đó mà giúp học sinh có khả năng học không chỉ trong lớp học, mà có thể học ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào trong suốt cuộc đời. Điều này được thể hiện trong một câu ngạn ngữ cổ rằng “Nếu cho một người đàn ông một con cá, anh ta sẽ ăn trong một ngày. Nếu dạy người đàn ông đó biết câu cá, anh ta sẽ có cá ăn cả đời”. Trong dạy học ngôn ngữ, câu tục ngữ có ý nói giáo viên nên dạy học sinh cách học và cách áp dụng thay vì chỉ trình bày kiến thức. Khái niệm “đào tạo người học” xuất hiện nhằm đáp ứng nhu cầu trên thông qua việc nâng cao nhận thức của người học về “cách học” hiệu quả. Từ đó, người học có thể tự mình khám phá và áp dụng các chiến lược học tập khác nhau để có thể học độc lập và chủ động. Nói cách khác, khi có chiến lược học người học sẽ có trách nhiệm đối với toàn bộ quá trình học ngôn ngữ của họ. Chiến lược học tập là một công cụ không thể thiếu khi muốn dạy học sinh trở thành người học suốt đời. Trong nghiên cứu này, nhóm nhà nghiên cứu đã sử dụng cách phân loại các chiến lược học từ vựng của Schmitt (1997) [12]. Sở dĩ, nhóm nghiên cứu sử dụng cách phân loại này vì chúng được sử dụng khá phổ biến. Đây cũng là cách phân loại được kế thừa thành tựu nghiên cứu về chiến lược học của nhà nghiên cứu ngôn ngữ Oxford (1990) [13]. Đây cũng là cách phân loại đáp ứng được mục đích nghiên cứu của nhóm tác giả. Trong chiến lược học từ vựng của Schmitt, ông chia các chiến lược học từ vựng thành hai loại chính: chiến lược khám phá cho phép người học tiếp thu từ vựng mà họ gặp lần đầu tiên và chiến lược củng cố giúp người học ghi nhớ những từ đã học.



Hình 1. Bảng phân loại các chiến lược từ vựng (Schmitt, 1997)[12]

Schmitt (1997) [12] đã đề xuất 57 chiến lược học từ vựng và chia thành năm nhóm:

Chiến lược xác định (DET) liên quan đến các chiến lược học tập cá nhân cho phép học sinh khám phá nghĩa của từ tiếng Anh bằng cách sử dụng các chiến lược phụ như: phân tích cấu trúc của từ, đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh, cử chỉ hoặc hình ảnh có sẵn hoặc sử dụng thẻ ghi nhớ, từ điển và danh sách từ.

Chiến lược xã hội (SOC) khác biệt với chiến lược xác định vì nó yêu cầu người học giao tiếp với những người khác để tìm hiểu ý nghĩa của từ vựng. Người học có thể học nghĩa của từ bằng cách nhờ người khác như giáo viên hoặc bạn cùng lớp dịch một từ chưa biết sang tiếng mẹ đẻ, đưa ra các từ đồng nghĩa, trái nghĩa của từ đó, chiến lược đặt câu với từ vựng hoặc tham gia vào các hoạt động nhóm để khám phá nghĩa của từ tiếng Anh. Bên cạnh đó, người học có thể sử dụng

chiến lược này để ghi nhớ và củng cố vốn từ vựng có được thông qua tương tác với người bản ngữ hoặc các hoạt động nhóm. Bằng cách này, giáo viên có thể ôn lại từ vựng bằng các tấm thẻ mang thông tin và danh sách từ của học sinh để có sự thống nhất trong quá trình học từ vựng.

Trong chiến lược ghi nhớ (MEM), người học kết hợp việc học từ mới với xử lý trí não bằng cách tích hợp thông tin hiện tại hoặc ngữ cảnh cụ thể với các từ mới. Một từ mới “có thể được tích hợp vào nhiều loại kiến thức hiện có (nghĩa là kết hợp từ đó với kinh nghiệm trước đây hoặc với từ đã biết) hoặc hình ảnh có thể được tùy chỉnh sau đó được truy xuất ra (tức là hình ảnh về từ loại hoặc nghĩa của từ đó)”. (Schmitt, 1997) [12: 211]

Các chiến lược nhận thức (COG) là các chiến lược không thu hút người học tham gia vào quá trình xử lý trí não mà nó mang tính máy móc hơn. Nó có nghĩa là người học có thể sử dụng các thẻ mang thông tin, danh sách từ hoặc lặp lại bằng lời nói và viết lại để ghi nhớ từ vựng cũng như ôn tập từ đó. Hơn nữa, người học có thể sử dụng các chiến lược hỗ trợ học tập như ghi chú khi học trên lớp, sử dụng phân từ vựng trong sách giáo khoa, nghe băng danh sách từ, dán nhãn tiếng Anh trên các vật dụng thật để nâng cao quá trình học từ vựng.

Các chiến lược siêu nhận thức (MET) có liên quan đến cả quá trình học tập bao gồm việc quan sát, đưa ra quyết định và đánh giá sự tiến bộ. Theo Schmitt (1997) [12; 220], người học có thể “kiểm soát và đánh giá việc học của mình bằng cách có một cái nhìn tổng thể về quá trình học tập nói chung”. Nói cách khác, chiến lược Siêu nhận thức bao gồm việc lập kế hoạch và tự đánh giá quá trình học tập của bản thân người học ngôn ngữ.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại một trường cao đẳng sư phạm thuộc một tỉnh miền núi, một trong những tỉnh miền núi khó khăn nhất của Việt Nam có điều kiện kinh tế thấp và nguồn lực giành cho học ngoại ngữ còn rất ít. Theo thống kê của các bộ phận chức năng thuộc trường, đầu năm học 2020-2021, trường có 571 sinh viên, trong đó 516 em là người dân tộc thiểu số. Thống kê này đồng nghĩa với việc sinh viên học tiếng Anh là học ngôn ngữ thứ ba sau tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Với họ, học và sử dụng từ vựng tiếng Việt đã khó và còn khó hơn rất nhiều khi họ phải học và sử dụng từ vựng tiếng Anh. Nếu muốn giải quyết khó khăn mà họ vấp phải khi học từ vựng tiếng Anh thì nhất thiết phải cung cấp cho họ các giải pháp khả thi giúp họ giải quyết vấn đề đó. Bên cạnh đó, họ không quen với các “chiến lược” và không hiểu cách sử dụng các chiến lược đó như thế nào để tăng vốn từ vựng của họ. Chính vì những nguyên nhân này, học sinh không hứng thú với môn học và chỉ coi đây là môn học điều kiện.

Phương pháp hỗn hợp (Mixed methods research design) được sử dụng trong nghiên cứu này. Đây là sự kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng để nghiên cứu việc sử dụng các chiến lược học từ vựng của học sinh dân tộc thiểu số. Nhóm tác giả đã chọn cách tiếp cận này vì nó không chỉ kết hợp những ưu điểm của cả phân tích định tính và định lượng mà còn giải quyết được nhược điểm của chúng (Creswell, 2012) [14]. Hơn nữa, sử dụng cách tiếp cận này cho phép nhóm tác giả có được bức tranh toàn cảnh nhất có thể từ hệ thống dữ liệu chi tiết và phong phú.

Quần thể mẫu được lựa chọn bằng cách tiếp cận lấy mẫu thuận tiện (convenience sampling). Nhóm nghiên cứu đã chọn 171 sinh viên là người dân tộc thiểu số từ Khoa Giáo dục Mầm non làm đối tượng tham gia. Họ có độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi và đã học tiếng Anh từ ba đến hơn bảy năm. Nghiên cứu được tiến hành đối với các sinh viên là người dân tộc thiểu số đang học học kì I, năm thứ nhất.

Công cụ thu thập dữ liệu bao gồm: bài kiểm tra, bảng hỏi, và phỏng vấn trực tiếp. Chúng tôi dùng bài kiểm tra có nội dung từ vựng mà sinh viên đã học nhằm chia sinh viên thành ba nhóm dựa theo thành tích bài kiểm tra: nhóm sinh viên có bài kiểm tra đạt thành tích cao, trung bình và thấp. Bảng câu hỏi cho phép các nhóm nghiên cứu thu thập thông tin đầu vào từ nhiều nguồn khác nhau và nhiều người tham gia khác nhau. Có tổng cộng 35 chiến lược học từ vựng từ phương

pháp phân loại của Schmitt đã được đưa vào bảng câu hỏi. Phòng vấn trực tiếp đã được sử dụng để nắm bắt và khai thác thái độ, cảm xúc, cũng như những suy nghĩ sâu của người tham gia. Các câu hỏi bán cấu trúc được sử dụng trong nghiên cứu hiện nay để khám phá trải nghiệm của người tham gia, theo dõi phản ứng của sinh viên rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng cần nhắc kỹ các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu để đảm bảo các tiêu chuẩn đạo đức nghiên cứu và sự tôn trọng đối với những người tham gia nghiên cứu.

2.4. Kết quả và thảo luận

2.4.1. Kết quả từ bảng câu hỏi

Sau khi phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi tác giả thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Các chiến lược học từ vựng sinh viên sử dụng

Strategy name	N	Min	Max	Mean	Std. Deviation
DET	171	2,00	4,00	2,8446	,32163
SOC	171	2,75	4,50	3,5614	,31836
SOC2	171	1,50	4,50	2,6550	,53766
MEM	171	2,50	3,50	2,9722	,20054
COG	171	2,33	4,00	3,0156	,45991
MET	171	2,33	4,67	3,0507	,43540
OVERAL	171	2,51	3,51	3,0063	,19570

Đầu tiên, tất cả các đối tượng nghiên cứu đều sử dụng các chiến lược học từ vựng ở mức trung bình là 3.0063 (mức trung bình), trong đó các chiến lược xã hội thuộc nhóm chiến lược khám phá được sử dụng phổ biến nhất, tiếp theo là các chiến lược siêu nhận thức, chiến lược nhận thức, chiến lược ghi nhớ, chiến lược xác định và chiến lược xã hội (trong chiến lược củng cố).

Thứ hai, năm chiến lược được sinh viên là người dân tộc thiểu số sử dụng nhiều nhất là DET1 (ghi chú các từ và cụm từ hữu ích), MEM24 (đọc to một từ mới trong khi học), MEM15 (học từ vựng qua hình ảnh, minh họa và tranh ảnh), MEM23 (học âm thanh của một từ), và MEM16 (kết nối từ vựng với các từ đồng nghĩa và trái nghĩa của nó) (Bảng 2).

Bảng 2. Năm chiến lược học từ vựng được sử dụng nhiều nhất

Strategy name	N	Mean	Std. Deviation
DET1	171	4,09	,284
MEM24	171	4,04	,452
MEM15	171	4,02	,398
MEM23	171	3,99	,427
MEM16	171	3,98	,594

Thứ ba, chiến lược MEM18 (sử dụng “thang” cho các tính từ có thể phân loại), MEM28 (học từ vựng thông qua thành ngữ), MEM21 (nhóm các từ thành cốt truyện), SOC14 (giao tiếp với người bản xứ) và DET2 (sử dụng từ điển Anh-Anh) là năm chiến lược mà học sinh bỏ qua nhiều nhất (Bảng 3).

Bảng 3. Năm chiến lược học từ vựng được sử dụng ít nhất

Strategy name	N	Mean	Std. Deviation
MEM18	171	1,59	,648
MEM28	171	1,88	,529

MEM21	171	1,92	,531
SOC14	171	1,95	,688
DET2	171	2,29	,950

Dữ liệu cũng cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược của ba nhóm học sinh như sau:

Đầu tiên, cả hai nhóm sinh viên đều thích sử dụng chiến lược xã hội trong nhóm chiến lược khám phá. Nó được chứng minh bằng giá trị sử dụng trung bình cao của ba nhóm, trong đó những người đạt thành tích cao dẫn đầu ($M = 3,7292$, $SD = .22014$), tiếp theo là nhóm những học sinh đạt mức trung bình ($M = 3,5962$, $SD = 0,30978$) và cuối cùng là những người đạt mức thấp ($M = 3.5000$, $SD = .32820$). Hơn nữa, theo thang điểm Oxford, cả ba nhóm sử dụng các chiến lược còn lại cũng đều ở mức trung bình.

Thứ hai, về sự khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược, những người đạt thành tích cao tích cực hơn trong việc sử dụng các chiến lược và sử dụng chúng thường xuyên hơn ($M = 3,3369$, $SD = 0,08876$) so với hai nhóm sinh viên còn lại ($M = 3,0879$, $SD = 0,7692$, $M = 2,8782$, $SD = 0,12629$). Ví dụ: ở nhóm chiến lược siêu nhận thức (MET), những sinh viên có thành tích cao ($M = 3.6806$, $SD = .47629$) sử dụng chiến lược này thường xuyên hơn những sinh viên có thành tích thấp ($M = 2.8947$, $SD = .32348$) và trung bình ($M = 3.0449$, $SD = .32358$) (Bảng 4).

Bảng 4. Chiến lược học từ vựng được sử dụng theo các nhóm có thành tích học tập khác nhau

Strategy categories	High achievers (N=24, M>=8)		Medium achievers (N=52, M= 5-7.9)		Low achievers (N=95, M<5)	
	Mean	SD	Mean	SD	Mean	SD
Determination strategies	3,1905	,26195	2,9588	,20071	2,6947	,29661
Social strategies (1)	3,7292	,22014	3,5962	,30978	3,5000	,32820
Social strategies (2)	2,9167	,60193	2,7788	,49915	2,5211	,50485
Memory strategies	3,2839	,12497	3,0445	,10380	2,8539	,14575
Cognitive strategies	3,3750	,37187	3,1923	,38685	2,8281	,42627
Metacognitive strategies	3,6806	,47629	3,0449	,32358	2,8947	,32348
Overall	3,3369	,08876	3,0879	,07692	2,8782	,12629

2.4.2. Kết quả phỏng vấn

Kết quả đầu tiên thu được là sự thừa nhận của sinh viên về vai trò của từ vựng trong việc học ngoại ngữ. Sinh viên là người dân tộc thiểu số của cả ba nhóm đều nhận ra tầm quan trọng của từ vựng trong việc học ngoại ngữ. Tuy có nhiều cách giải thích khác nhau được đưa ra nhưng hầu hết sinh viên đều đồng ý với việc thiếu kiến thức từ vựng là một rào cản lớn cho việc học ngoại ngữ và thi kết thúc học kì (sinh viên 5, 7). Ví dụ, sáu trong số chín người được phỏng vấn đã đồng ý rằng từ vựng ảnh hưởng đến các vấn đề “hiểu” trong kĩ năng nghe hiểu, đọc hiểu (sinh viên 3) và diễn đạt ý tưởng trong kỹ năng nói và viết (sinh viên 1, 7).

Thứ hai, nhóm nghiên cứu phát hiện ra những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong việc tiếp thu từ vựng thông qua cuộc phỏng vấn. Một trong những khó khăn nhất của họ là ghi nhớ từ vựng (sinh viên 8, 9). Điều đó, có nghĩa là mặc dù đã gặp từ vựng trước đó, người học vẫn thường quên từ đó. Thêm vào đó, người học cho rằng từ vựng có nhiều nghĩa khác nhau (sinh viên 6) và hình thức từ rất phức tạp (sinh viên 7), nên họ cảm thấy lúng túng trong việc sử dụng từ vựng sao cho đúng nghĩa và phù hợp với ngữ cảnh nhất.

Kết quả thứ ba củng cố cho kết quả thu được từ bảng câu hỏi rằng chiến lược Xã hội được sử dụng thường xuyên hơn chiến lược Xác định. Trong lớp, sinh viên thường hỏi giảng viên và bạn cùng lớp nghĩa của từ (sinh viên 8) và sử dụng từ điển Anh - Việt vì các em tin rằng từ điển này cung cấp nghĩa của từ một cách nhanh chóng và chính xác (sinh viên 4, 5, 6, 7, 8, 9). Tuy nhiên, bên ngoài lớp học, chiến lược Xác định lại được sử dụng thay vì chiến lược Xã hội. Học sinh vẫn áp dụng từ điển Anh - Việt hàng ngày cùng với các chiến thuật khác như ghi lại các từ hoặc cụm từ hữu ích (sinh viên 1) hoặc đoán từ dựa trên ngữ cảnh (sinh viên 7). Các số liệu trên cho thấy, hầu hết sinh viên ưa thích chiến lược sử dụng từ điển, nhưng chỉ một tỷ lệ nhỏ sinh viên lựa chọn từ điển Anh - Anh trong quá trình học của mình (sinh viên 1).

Phát hiện sau cùng của nhóm nghiên cứu là có sự khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược của ba nhóm học sinh như sau: thứ nhất, phần lớn sinh viên ở nhóm có kết quả bài kiểm tra đạt trung bình và thấp rất thụ động trong việc học từ vựng. Hầu hết họ học từ vựng bằng cách đọc to từ hoặc sử dụng hình ảnh, video hoặc các hoạt động và bài tập bổ sung khác do giáo viên cung cấp; họ không chủ động áp dụng các chiến lược học tập khác có hiệu quả hơn (sinh viên 6, 9). Ngược lại, nhóm những sinh viên đạt thành tích cao sử dụng nhiều chiến lược học từ vựng đa dạng và linh hoạt hơn. Họ biết sử dụng những chiến lược mà giảng viên đưa ra kết hợp với các chiến lược khác, chẳng hạn như nhóm từ vựng theo chủ đề hoặc cấu tạo của từ (sinh viên 3), hoặc tham khảo các từ đồng nghĩa và trái nghĩa của từ đó (sinh viên 1). Họ sử dụng các chiến lược thông minh hơn và thành công hơn bên ngoài lớp học. Họ học từ vựng bằng cách nghe các bài hát tiếng Anh và xem phim có phụ đề tiếng Anh giúp cho việc học từ mới thoải mái hơn (sinh viên 2, 3). Họ mạnh dạn tìm kiếm cơ hội giao tiếp bằng tiếng Anh với người nước ngoài tại các di tích lịch sử gần nơi họ học tập, sinh sống (sinh viên 1). Họ thực hành sử dụng từ vựng mỗi ngày và coi đó là cách tốt nhất để ghi nhớ. Điều này chứng tỏ rằng những người đạt thành tích cao luôn cố gắng, nỗ lực phát triển các kỹ năng ngôn ngữ của họ. Sinh viên của hai nhóm còn lại bám sát các chiến lược mà họ đã sử dụng kể từ khi bắt đầu học ngoại ngữ và chiến lược quen thuộc nhất là chiến lược viết lại một từ hoặc cụm từ nhiều lần để ghi nhớ nó (sinh viên 4, 5, 7, 9).

2.4.3. Thảo luận

Kết quả đầu tiên chỉ ra rằng tần suất sử dụng chiến lược học từ vựng trung bình của sinh viên là người dân tộc thiểu số chỉ đạt ở mức trung bình, kết quả này khác với kết quả nghiên cứu của Lương Thị Hoa (2014) [15] trong cùng lĩnh vực nghiên cứu. Tác giả Lương Thị Hoa chỉ ra rằng đối tượng tham gia nghiên cứu có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của từ vựng và các chiến lược học từ vựng cũng được áp dụng hiệu quả. Trái lại đối tượng là sinh viên dân tộc thiểu số trong nghiên cứu này lại chưa đạt kết quả tốt trong việc sử dụng các chiến lược học từ vựng để nâng cao chất lượng học ngoại ngữ. Kết quả này có thể được giải thích như sau:

Thứ nhất, đối tượng tham gia nghiên cứu là sinh viên người dân tộc thiểu số đến từ các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; cơ hội học tập và tiếp cận ngoại ngữ của họ còn rất hạn chế. Họ sinh ra và lớn lên ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới nên điều kiện tiếp cận tiếng Anh muộn hơn và ít nhận được sự định hướng từ những người có chuyên môn. Điều này đã được nhà nghiên cứu Vũ Văn Duy và Nguyễn Cẩm Nhung trình bày trong báo cáo của họ. Thêm vào đó, họ có ít cơ hội học tiếng Anh và truy cập Internet, công nghệ và các điều kiện giáo dục tốt như những sinh viên ở các vùng thành thị. Điều này cho thấy sinh viên là người dân tộc thiểu số, khu vực miền núi phải đối mặt với nhiều thách thức hơn khi học tiếng Anh.

Thứ hai, do mức sống của người dân tại khu vực miền núi còn thấp nên phần lớn sinh viên không có nhiều thời gian cho việc học tập trong đó có học ngoại ngữ. Thực tế, sinh viên thậm chí có cả học sinh đã phải bỏ học để phụ giúp gia đình làm kinh tế nên quá trình học tập của họ cũng bị gián đoạn. Hơn nữa, các bậc cha mẹ không biết cách động viên hay định hướng cho con cái họ đến trường và tham gia học tập, khiến việc duy trì sĩ số trong lớp trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Sinh viên là người dân tộc thiểu số nên học tiếng Anh được với họ là học ngôn ngữ thứ ba sau tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Thêm vào đó, giảng viên tiếng Anh không sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số nên rất khó để giải nghĩa từ, cách sử dụng từ vựng một cách chính xác cho học sinh hiểu.

Đối tượng nghiên cứu đều là sinh viên ngành Giáo dục Mầm Non – không chuyên tiếng Anh nên kết quả thi tuyển đầu vào của sinh viên dựa trên 3 môn Toán, Văn, và Năng khiếu sư phạm mà không có môn tiếng Anh. Kết quả là học sinh không chú ý đến cũng như dành thời gian cho môn học này và chỉ coi nó như một môn học điều kiện.

Xét về mối quan hệ giữa việc sử dụng các chiến lược học từ vựng và trình độ sinh viên thì những sinh viên đạt thành tích cao sử dụng các chiến lược thường xuyên hơn hai nhóm còn lại. Siriwan (2007) [16], Lachini (2008) [17], Hamzah, Kafipour, và Abdullah (2009) [18], Kafipour, Yazdi, Soori, và Shokrpour (2011) [19], Waldvogel (2011) [20], và Tilfarlioglu và Bozgeyik (2012) [21] cũng đã tìm thấy những phát hiện tương tự. Sự chênh lệch này được thể hiện rõ trong nghiên cứu này như sau: người đạt thành tích cao sử dụng 35 chiến lược thường xuyên hơn hai nhóm còn lại thể hiện rõ nhất ở năm chiến lược ít được sử dụng nhất (DET2, SOC14, MEM18, MEM21 và MEM28). Điều này cũng được làm rõ bằng kết quả phỏng vấn, những sinh viên thành công có nhiều khả năng hơn những sinh viên không thành công trong việc sử dụng từ điển Anh-Anh hoặc phân tích tiền tố và hậu tố của từ. Hơn nữa, sinh viên ở nhóm trình độ cao sử dụng các chiến lược tích cực hơn, đa dạng hơn và linh hoạt hơn so với sinh viên ở hai nhóm còn lại. Bằng cách này, nếu sinh viên được trang bị tốt các chiến lược học tập hiệu quả, họ có thể chủ động học từ vựng bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào họ muốn, điều này cực kỳ quan trọng và có lợi về lâu dài khi học ngoại ngữ.

3. Kết luận

Kết luận chính của nghiên cứu được tóm tắt như sau: Thứ nhất, phần lớn sinh viên là người dân tộc thiểu số thường sử dụng các chiến lược học từ vựng do giáo viên đưa ra như video, tranh, ảnh, đọc to từ vựng và sử dụng từ điển Anh-Việt trong khi học. Hơn nữa, họ thụ động trong việc học từ vựng và ngại thay đổi các chiến lược học tập quen thuộc như viết lại từ vựng hoặc hỏi giảng viên hoặc bạn cùng lớp về nghĩa của từ, khiến quá trình học trở nên nhàm chán. Sinh viên bỏ qua một số chiến lược hữu ích trong việc tiếp thu ngôn ngữ, chẳng hạn như sử dụng từ điển Anh-Anh, tương tác với người bản xứ và học tiếng Anh qua các phương tiện truyền thông. Thứ hai, những sinh viên đạt thành tích cao là những người có kiến thức từ vựng tốt hơn, kết quả học tập tốt hơn và sử dụng các chiến lược linh hoạt và hiệu quả hơn. Từ kết quả này, nhóm tác giả đề xuất ba khuyến nghị sau: (1) đào tạo sinh viên trở thành người học tích cực được trang bị các chiến lược học tập hiệu quả thúc đẩy tính độc lập, tự chủ và tự định hướng trong học tập của học sinh. Điều này có nghĩa là sinh viên nên được dạy các chiến lược học từ vựng để hiểu được lợi ích của các chiến lược đó và được khuyến khích sử dụng các chiến lược khác nhau ngoài các chiến lược quen thuộc. (2) Thực hiện định hướng chiến lược cho từng cá nhân sinh viên. Theo Juan (2010), “không có phong cách và chiến lược học tập tốt hay xấu” [22; 2], vì vậy sinh viên có thể lựa chọn chiến lược phù hợp với phong cách học tập của mình. Để đạt được mục đích này, các chiến lược phải được tích hợp với chương trình giảng dạy, nguồn tài liệu và kỹ thuật giảng dạy để hiểu được sự lựa chọn chiến lược khác nhau và phong cách học tập khác nhau của sinh viên. (3) Tích hợp việc đào tạo các chiến lược học vào chương trình giảng dạy ngôn ngữ, có nghĩa là khuyến khích các chiến lược học trở thành một phần của chương trình giảng dạy ngoại ngữ; đặc biệt là việc định hướng kết hợp đào tạo chiến lược phải được giải thích một cách rõ ràng và phù hợp với từng đối tượng sinh viên. Nhóm tác giả hy vọng những khuyến nghị nêu trên sẽ giúp giảng viên và sinh viên người dân tộc thiểu số nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định 1400/QĐ-TTg năm 2008 về việc phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- [2] Decarrico, J. S. 2001. “Vocabulary Learning and Teaching”. Celce-Murcia, M. (ed.). *Teaching English as a Second or Foreign Language*, pp. 285-299. Boston: Heinle & Heinle.
- [3] Chen, C. M., & Chun, C., J., 2008. “Personalized Mobile English vocabulary Learning System Based on Item Response Theory and Learning Memory Cycle”. *Computers & Education*, 51(2), 624-645. <http://dx.doi.org/10.1016/j.compedu.2007.06.011> Creswell, J. W. (2009). *Research design: Qualitative, quantitative and mixed methods approaches*. Thousand Oaks, California: Sage Publications.
- [4] Shoebottom, P. 2007. *How to learn a Vocabulary*. [Online] Available: <http://esl.fis.edu/learners/advice/vocab.htm> (5 March 2010).
- [5] Wilkins, D.A. 1972. *Linguistics in Language Teaching*. Australia: Edward Arnold.
- [6] Nation, I. S. 2001. *Learning Vocabulary in Another Language*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [7] Alqahtani, 2015. “The importance of vocabulary in language learning and how to be taught”. *International Journal of Teaching and Education*, III (3), pp. 21 - 34.
- [8] [8] Fan, Y. M., 2003. “Frequency of use, perceived usefulness, and actual usefulness of second language vocabulary strategies: A study of Hong Kong learners”. *The Modern Language Journal*, 87(2), 222-241.
- [9] Nguyễn Thị Thanh Huyền, Khuất Thị Thu Nga 2003. “Learning vocabulary through game: The Effectiveness of Learning Vocabulary Through Games”. *Asian EFL Journal*, Volume 5. Issue 4: December 2003.
- [10] Vũ Văn Duy and Nguyễn Cẩm Nhung, 2019. *An assessment of vocabulary knowledge of Vietnamese EFL learners*. The 20th English in Southeast Asia Conference, Date: 2019/12/06 - 2019/12/07, Location: National Institute of Education, Nanyang Technological University, Singapore.
- [11] Le Thi Tuyet Hanh, 2018. “Vocabulary learning strategy use among EFL university students in Vietnam”. *Journal of social sciences and humanities*. <https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v127i6B.4119>
- [12] Schmitt, N. 1997. *Vocabulary learning strategies*. In N. Schmitt & McCarthy (Eds.), *Vocabulary: description, acquisition and pedagogy* (pp.199-228). Cambridge: Cambridge University Press.
- [13] Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. Boston: Heinle and Heinle.
- [14] Creswell, J. W. 2012. *Educational research: Planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research* (4th ed.). Boston, MA: Pearson.
- [15] Luong Thi Hoa 2014. *An investigation into vocabulary learning strategies used by the tenth-form students at Hoang Hoa High School*. Retrieved from <http://repository.vnu.edu.vn/ViewOnline?bitstid=130566&type=1>
- [16] Siriwan, M. 2007. *English Vocabulary Learning Strategies Employed by Rajabhat University Students*. Unpublished Doctoral Dissertation, Suranaree University of Technology, Thailand
- [17] Lachini, K. 2008. *Vocabulary learning strategies and L2 proficiency*. In K. Bradford Watts, T. Muller, & M. Swanson (Ed.), *JALT 2007 Conference Proceedings* (pp. 283-293). Tokyo: JALT

- [18] Hamzah, M. S. G., Kafipour, R. and Abdullah, S. K. 2009. "Vocabulary Learning Strategies of Iranian Undergraduate EFL Students and Its Relation to Their Vocabulary Size". *European Journal of Social Sciences*, 1(1), 39-50.
- [19] Kafipour, R., Yazdi, M., Soori, A. & Shokrpour, N. 2011. Vocabulary Levels and Vocabulary Learning Strategies of Iranian Undergraduate Students. *Studies in Literature and Language*, 3 (1), 23-29.
- [20] Waldvogel, D. A. 2011. *Vocabulary Learning Strategies among Adult Learners of Spanish as a Foreign Language*. Unpublished Doctoral Dissertation, University of Texas at Austin, USA.
- [21] Tilfarlioglu, F. F. Y. & Bozgeyik 2012. The Relationship between Vocabulary Learning Strategies and Vocabulary Proficiency of English Language Learners. *International Journal of Applied Linguistics & English Literature*, 1(2), 91-101.
- [22] Juan Mauricio Giraldo Medina 2010. *Learning how to learn – A reflection on learning strategy training*. (MATEFL, Fundación Universitaria Iberoamericana – FUNIBER) Profesional en Estudios Literarios – Universidad Nacional de Colombia English Teacher I. E. D. Alonso de Olalla, Villeta Cundinamarca.

ABSTRACT

Vocabulary learning strategies used by ethnic minorities college students from a mountainous area of Vietnam

Nguyen Thi Mai Huong¹ and Trinh Thi Khanh Hoa²

¹*Faculty of English, Hanoi National University of Education*

²*Faculty of Social Sciences, Dien Bien Teacher and Training College*

Training learning strategies is important for students to become life-long learners. At the same time, vocabulary is an indispensable component in language learning. Therefore, vocabulary learning strategies attract a great deal of attention in research. This paper discusses the results of a study of vocabulary learning strategies used by ethnic minority college students in a mountainous area of Vietnam. The findings indicate that: (1) although the participants used the Social strategy for vocabulary discovery the most, they avoided using the Social strategy for vocabulary Consolidation. (2) There are also similarities and differences in the use of vocabulary learning strategies among the three different language proficiency groups of students, and there exists a closed link between the use of vocabulary learning strategies and their language proficiency. A variety of recommendations have been offered based on the findings to support ethnic minority students so that they can make the best of vocabulary learning strategies for their learning.

Keywords: Vocabulary learning strategies, ethnic minority students, Social strategies, similarities, differences.